

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2023

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;
2. Ông Mai Văn Tài;

- *T ký phiên tòa:* Bà Oanh Đa Ra, T ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Hoàng A, sinh năm 1987; địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Lưu Hoàng P, sinh năm 1987; địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Chỗ ở hiện nay: Số 63, ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án Chị Lê Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2005 chị và anh P quen biết nhau do tự tìm hiểu nên đến năm 2007 thì chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 09/2008, ngày 15/02/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh P Tòng xuyên ghen tuông vô cớ, Tòng đả vợ do ghen tuông nên chị đã bỏ nhà đi khoảng 02 – 03 lần, sau đó

thì chị trở về lại nhà chồng đến khoảng tháng 8/2022 thì anh P lại tiếp tục đả chị do ghen, nên từ tháng 09/2022 đến nay thì chị đã bỏ nhà đi, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị A và anh P có hai con chung tên Lưu Hoàng Đ, sinh năm 2009 và Lưu Hoàng T, sinh năm 2012. Chị A yêu cầu được nuôi cháu T đồng ý giao cháu Đ cho anh P nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Hoàng P cho rằng về thời gian và điều kiện kết hôn như trình bày của chị Lê Hoàng A là đúng. Nhưng về mâu thuẫn thì vợ chồng chỉ mâu thuẫn từ năm 2014 chủ yếu là do vợ tự động thay đổi lúc này lúc khác nên mâu thuẫn chỉ có vậy nên vợ có bỏ nhà đi từ 02 – 03 lần, mỗi lần đi là vài tuần là trở về nhà nhưng lần này đã bỏ đi từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay chị A yêu cầu ly hôn thì anh P không đồng ý ly hôn. Về con chung thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Đ và cháu T, không yêu cầu vợ cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Anh Lưu Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Riêng về con chung thì chị A đồng ý giao hai đứa con chung cho anh P nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả các biên bản lấy lời khai và biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh P.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 98, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên còn một số quy phạm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lê Hoàng A khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lưu Hoàng P có địa chỉ hiện tại số 63, ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản thông báo thụ lý, thông báo tham gia phiên họp và hòa giải tại Tòa án anh P vẫn vắng mặt nhưng anh P có cung cấp lời khai tại nhà vào ngày 01 tháng 02 năm 2023. Ngoài ra Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt lần hai. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị A và anh P quen biết nhau vào năm 2005 do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 09/2008, ngày 15/02/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Qua lời khai chị A cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2012 là do anh P Tông xuyên ghen tuông, đã vợ nên chị đã bỏ nhà đi ba lần dù đã cho anh P nhiều cơ hội nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Trong lời khai của anh P cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2014 chủ yếu do vợ thay đổi lúc này lúc khác nên vợ bỏ đi hai, ba lần và vợ chồng ly thân từ tháng 8/2022 đến nay nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Lời khai của ông Lưu Văn H (là cha ruột của ông P) xác định: Từ sau khi cưới là vợ chồng A P đều sống bên nhà chồng, chị A làm dâu và tiếp việc nhà nên vợ chồng không có mâu thuẫn. Nhưng hiện tại chị A đã bỏ nhà đi từ tháng 9/2022 cho đến nay. Theo ông thì điều kiện chị A không có điều kiện để nuôi cháu Đ và cháu T vì hiện chị A đi làm thuê và học nghề, còn P thì ở chung với gia đình buôn bán.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Vợ chồng chị A và anh P không có đăng ký hộ khẩu Tông trú tại địa phương nhưng có đăng ký tạm trú tại số 63, ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang. Hiện tại địa phương chỉ biết chị A đã bỏ nhà đi làm ăn xa được khoảng 4 – 5 tháng nay còn đi đâu và làm gì thì địa phương không biết, do khi đi chị A không có trình báo địa phương biết, hiện tại hai đứa con thì đang ở với anh P tại nhà. Trước đây vợ anh P có tiếp bán cây xăng bên gia đình chồng còn hiện tại thì anh P sống bằng nghề bán xăng tại địa phương.

Thấy rằng vợ chồng phải Tông yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong thời gian sống chung anh P và chị A đều xác định là chị A có bỏ nhà ra đi được ba lần, theo chị A thì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn do

ghen tuông nên anh P có đánh vợ, còn ông H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, còn anh P thì cho rằng mâu thuẫn là do vợ lúc này lúc khác. Nhưng cả hai ông H và anh P đều thống nhất chị A có bỏ nhà ra đi được ba lần và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay là sự thật, điều này chứng tỏ vợ chồng chị A và anh P là có xảy ra mâu thuẫn gia đình. Đồng thời trong thời gian Tòa án tiến hành mời tham gia hòa giải thì anh P đều biết và có nhận được các thông báo của Tòa án tổng đạt nhưng anh P cũng không tham gia phiên hòa giải đều đó thể hiện anh P cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Xét, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị A và anh P có hai con chung tên Lưu Hoàng Đ, sinh năm 2009 và Lưu Hoàng T, sinh năm 2012. Hiện cháu Đ và cháu T đang do anh P nuôi dạy.

Anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy hai cháu Đ và cháu T, chị A cũng đồng ý giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, anh P không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời tại bản tự khai cùng ngày 01/02/2023 thì cả hai cháu Đ và cháu T đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha.

Xét về con, hiện tại cháu Đ và cháu T đang do anh P nuôi dạy, anh P sống chung với gia đình có buôn bán nên thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục con tốt hơn. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của cháu Đ và cháu T được ổn định thì giao cháu Đ và cháu T cho anh P tiếp tục nuôi dạy là phù hợp.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự H cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị A và anh P đều thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị A khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Anh P không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Hoàng A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hoàng A được ly hôn với anh Lưu Hoàng P

Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2008, ngày 15/02/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Anh Lưu Hoàng P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lưu Hoàng Đ, sinh năm 2009 và Lưu Hoàng T, sinh năm 2012. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự H cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Lê Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009668 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh P không phải chịu án phí hôn nhân

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử Pc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao H được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án H bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền